BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐH KIẾN TRÚC HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI
PHÒNG THANH TRA - KHẢO THÍ
& ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM QUÁ TRÌNH

MÔN HỌC: KĨ NĂNG VIẾT VÀ THUYẾT TRÌNH - LỚP HỌC PHẦN QL4718_15X.9_LT.0_LT

Học kỳ:2 Năm học: 2016-2017 20% 30%

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm quá trình		Điều kiện dự thi	Ghi chú
					Bằng số	Bằng chữ		
1	1551030214	Hà Công Thế Anh	5/27/1996	2015X9	10	7,5		
2	1551030352	Nguyễn Tùng Anh	3/7/1997	2015X9	7,5	7,5		
3	1551030470	Vũ Đông Anh	11/20/1995	2015X9	7,5	8		
4	1551030142	Bùi Văn Bền	6/20/1997	2015X9	10	7,5		
5	1551030283	Nguyễn Văn Châu	3/26/1997	2015X9	10	8		
6	1551030475	Phan Quốc Cường	1/17/1997	2015X9	10	9		
7	1551030311	Nguyễn Văn Đạt	8/3/1997	2015X9	10	7		
8	1551030168	Ngô Xuân Đạt	11/14/1996	2015X9	0	0		∅ đi học
9	1551030170	Lê Văn Đông	12/15/1996	2015X9	10	8,5		
10	1551030177	Bùi Anh Đức	8/27/1997	2015X9	0	0		∅ đi học
11	1551030444	Lê Huỳnh Đức	9/2/1997	2015X9	5	8		
12	1551030002	Phạm Đức Dũng	6/2/1997	2015X9	10	7		
13	1551030452	Nguyễn Văn Dũng	3/19/1997	2015X9	10	9		
14	1551030037	Nguyễn Tùng Dương	2/13/1997	2015X9	7,5	9		
15	1551030117	Vũ Sỹ Duy	10/24/1997	2015X9	10	8		
16	1551030158	Ngô Văn Hải	5/25/1997	2015X9	10	8		
17	1551030161	Nguyễn Văn Hiếu	12/4/1997	2015X9	7,5	8		
18	1551030505	Nguyễn Ngọc Hiếu	8/31/1997	2015X9	10	9		
19	1551030045	Hoàng Quang Hóa	10/9/1997	2015X9	10	7,5		
20	1551030143	Nguyễn Công Huy Hoàng	4/30/1997	2015X9	5	7,5		
21	1551030465	Nguyễn Vũ Mạnh Hưng	7/1/1996	2015X9	10	9		
22	1551080140	Trịnh Quang Huy	11/20/1997	2015QL	10	8		
23	1551030148	Nguyễn Văn Huy	8/29/1997	2015X9	10	8		
24	1551030491	Vũ Lê Huy	2/22/1997	2015X9	10	8		
25	1551030501	Trần Trọng Khôi	3/10/1997	2015X9	7,5	7,5		
26	1551030290	Lê Văn Kiên	6/28/1997	2015X9	10	8,5		
27	1551030237	Lê Mạnh Lâm	7/10/1996	2015X9	10	8		
28	1551030278	Nguyễn Tùng Linh	3/21/1997	2015X9	10	7,5		
29	1551030059	Phạm Tuấn Minh	6/25/1997	2015X9	10	8,5		
30	1551030376	Nguyễn Tuấn Minh	9/20/1997	2015X9	5	8		
31	1551030377	Nguyễn Hoàng Nam	8/23/1997	2015X9	10	8,5		
32	1551030289	Nguyễn Đình Nguyên	8/19/1995	2015X9	0	0		∅ đi học
33	1551030380	Dương Công Phước	12/5/1996	2015X9	10	8		
34	1551030050	Lê Đình Quân	11/16/1997	2015X9	10	8		
35	1551030216	Hoàng Minh Quang	8/27/1997	2015X9	10	8		
36	1551030036	Phan Văn Sơn	9/13/1996	2015X9	7,5	8,5		
37	1551030410	Nguyễn Ngọc Sơn	8/8/1997	2015X9	7,5	8		

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm quá trình		Điều kiện dự thi	Ghi chú
					Bằng số	Bằng chữ		
38	1551030179	Trần Minh Tâm	11/27/1997	2015X9	7,5	8		
39	1551030335	Nguyễn Ngọc Thái	10/9/1997	2015X9	7,5	8		
40	1551030286	Nguyễn Văn Thế	2/8/1997	2015X9	10	8		
41	1551030041	Hoàng Thuận	11/4/1997	2015X9	10	8		
42	1551030412	Ngô Quang Tiến	5/19/1997	2015X9	10	7,5		
43	1551030342	Hoàng Đình Trí	3/24/1997	2015X9	7,5	8		
44	1551030146	Nguyễn Thành Trung	11/6/1997	2015X9	10	8		
45	1551030506	Nguyễn Bảo Trung	10/10/1997	2015X9	10	8		
46	1551030238	Nguyễn Anh Tú	1/16/1997	2015X9	10	7,5		
47	1551030211	Hoàng Hữu Tư	9/30/1997	2015X9	10	7		
48	1551030013	Nguyễn Văn Anh Tuấn	7/15/1997	2015X9	0	0		o ctihoc
49	1551030275	Phạm Minh Tuấn	4/17/1997	2015X9	10	7		
50	1551030075	Đặng Thanh Tùng	11/1/1997	2015X9	10	8		
51	1551030198	Đới ích Vĩ	8/25/1996	2015X9	7,5	8		
52	1551030459	Nguyễn Quốc Việt	11/30/1997	2015X9	10	9		

Hà Nội,, Ngày 14 tháng 3 năm

CÁN BỘ CHẤM THI 2

CÁN BỘ CHẤM THI 1

Phùng Văn Tiến

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐH KIẾN TRÚC HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI
PHÒNG THANH TRA - KHẢO THÍ
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM QUÁ TRÌNH

MÔN HỌC: KỸ NĂNG VIẾT VÀ THUYẾT TRÌNH - LỚP HỌC PHẦN QL4718_15X.8_LT.0_LT

Học kỳ:2 Năm học: 2016-2017 20% 30%

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm quá trình		Điều kiện dự thi	Ghi chú
					Bằng số	Bằng chữ		
1	1551030204	Lê Quang Anh	4/30/1997	2015X8	10	8,5		
2	1551030351	Trần Việt Anh	8/30/1996	2015X8	10	9		
3	1551030442	Phùng Nhật Anh	11/28/1997	2015X8	10	8,5		
4	1551030436	Nguyễn Khắc Bằng	12/19/1997	2015X8	5	7,5		
5	1551030016	Hoàng Minh Châu	9/11/1997	2015X8	0	7,5		
6	1551030001	Võ Minh Chiến	7/11/1997	2015X8	5	6,5		
7	1451050009	Lê Hùng Cường	9/26/1995	2014D1	0	0		Đi học
8	1551030388	Nguyễn Việt Cường	2/26/1997	2015X8	10	6,5		
9	1551030298	Bùi Tiến Đạt	1/28/1996	2015X8	10	6,5		
10	1551030160	Trần Quang Đạt	3/27/1997	2015X8	5	8		
11	1551030054	Trần Duy Đông	6/29/1996	2015X8	5	7,5		
12	1551030166	Ngô Văn Đức	6/20/1996	2015X8	5	6,5		
13	1551030420	Trần Quý Đức	10/10/1997	2015X8	10	8		
14	1551030401	Kim Anh Dũng	10/23/1997	2015X8	0	0		Đi học
15	1551030032	Trần Xuân Dương	3/28/1997	2015X8	5	9		
16	1551030111	Nguyễn Ngọc Lâm Duy	3/18/1997	2015X8	10	8		
17	1551030116	Tạ Đình Hải	5/3/1997	2015X8	7,5	8		
18	1551030159	Nguyễn Khắc Hiếu	10/17/1997	2015X8	7,5	8		
19	1551030482	Nguyễn Minh Hiếu	10/8/1997	2015X8	10	8		
20	1551030363	Trịnh Tiến Hòa	6/14/1997	2015X8	10	8		
21	1551030130	Ngô Thiện Hoàng	10/5/1997	2015X8	10	8		
22	1551030329	Đàm Huy Hùng	4/1/1997	2015X8	10	8,5		
23	1551030432	Hoàng Thành Hưng	12/31/1997	2015X8	10	8,5		
24	1551030110	Nguyễn Đức Huy	5/7/1997	2015X8	7,5	8		
25	1551030472	Nguyễn Xuân Huy	9/20/1997	2015X8	7,5	6,5		
26	1551030448	Đỗ Đăng Khoa	3/23/1997	2015X8	10	8		
27	1551030114	Đỗ Văn Kiên	11/4/1997	2015X8	10	8,5		
28	1551030006	Nguyễn Thanh Lâm	10/21/1997	2015X8	7,5	7,5		
29	1551030133	Trần Mai Hoài Linh	4/20/1997	2015X8	10	8		
30	1551030364	Đặng Quang Mạnh	9/4/1995	2015X8	10	7,5		
31	1551030053	Lê Công Minh	8/29/1996	2015X8	8,5	7,5		
32	1551030368	Lê Hữu Minh	12/2/1996	2015X8	5	8,5		
33	1551030360	Nguyễn Hữu Thành Nam	8/6/1997	2015X8	10	8		
34	1551030077	Vũ Đức Nguyên	11/10/1997	2015X8	10	8,5		
35	1551030396	Văn Đức Nhật	5/19/1997	2015X8	7,5	8,5		
36	1551030240	Nguyễn Tất Phương	3/16/1988	2015X8	10	7,5		
37	1551030015	Dương Hồng Quân	4/24/1997	2015X8	10	8		

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm quá trình		Điều kiện dự thi	Ghi chú
					Bằng số	Bằng chữ		
38	1551030035	Lê Anh Quang	11/28/1997	2015X8	10	9		
39	1551030487	Trương Tấn Sang	8/24/1997	2015X8	10	8,5		
40	1551030394	Nguyễn Hồng Sơn	9/18/1997	2015X8	10	8,5		
41	1551030245	Đoàn Ngọc Sỹ	3/13/1997	2015X8	10	9		
42	1551030258	Nguyễn Đức Thái	4/11/1997	2015X8	10	8		
43	1451020144	Nguyễn Thế Thắng	12/12/1994	2015Q3	10	8,5		
44	1551030174	Lê Đức Thành	5/21/1997	2015X8	7,5	8		
45	1551030207	Nguyễn Văn Thuần	3/25/1996	2015X8	10	8		
46	1551030330	Nguyễn Ngọc Tiến	9/12/1994	2015X8	10	8,5		
47	1551030292	Nguyễn Minh Trí	7/7/1997	2015X8	10	8		
48	1551030113	Nguyễn Văn Triệu	3/25/1997	2015X8	10	9		
49	1551030504	Đỗ Khắc Trung	9/23/1997	2015X8	7,5	7,5		
50	1551030310	Phạm Bá Tuân	7/26/1997	2015X8	10	8		
51	1551030273	Nguyễn Minh Tuấn	1/5/1997	2015X8	5	9		
52	1551030099	Trần Tài Tuệ	10/22/1997	2015X8	10	9		
53	1551030069	Nguyễn Như Tùng	8/8/1997	2015X8	10	7,5		
54	1551030349	Bùi Thế Việt	7/11/1997	2015X8	10	8,5		
55	1551032002	Đinh Quốc Việt	10/11/1996	2015X8	10	8,5		
56	1551030457	Nguyễn Vũ Vượng	1/27/1996	2015X8	10	7,5		

Hà Nội,, Ngày 9 tháng 3 năm 2017

CÁN BỘ CHẤM THI 2

CÁN BỘ CHẤM THI 1

Phùng Quang Tiến